

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
(Tháng 03 năm 2021)

Số:
Ngày:
Có:

STT	MÃ SỐ VIÊN CHỨC	HỌ VÀ TÊN	CẤP BẠC - CHỨC VỤ	MÃ SỐ NGẠCH LƯƠNG	LƯƠNG HỆ SỐ				CÔNG HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	KHIẾU TRỬ				PC TRÁCH NHIỆM		PC ĐỘC HẠI		HỆ SỐ PCUB	PC ƯU ĐÃI	TỔNG CỘNG TIỀN LƯƠNG CÒN ĐƯỢC NHẬN	KÝ NHẬN		
					HỆ SỐ LƯƠNG	HỆ SỐ PCTNVK	HIS PC CHỨC VỤ	HIS PCTN nhà giáo						BHXH 8%	BHXH 1.5%	BH THẤT NGHIỆP 1%	THUẾ THU NHẬP	CỘNG	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	HỆ SỐ					THÀNH TIỀN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6+7+8+9	11=10*1.490.000	12	13	14=11-12+13	15	16	17	18	19=15+16+17+18	20	21=20*1.490.000	22	23=22*1.490.000	24=19+7+8+9+13	25=24*1.490.000	26=14-19+21+23+25	27	
		HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG																									
01	11100083298	Luong Thi Thâm	Nhân viên Trung tâm Dạy nghề Lý Tự Trọng	01.006	2,58	0,0000		0,0000	2,5800	3.844.200	0	0	3.844.200	307.536	57.663	38.442		403.641		0			0,0000	0	3.440.559	01	
02	11100071597	Huỳnh Thị Xuân Mai	Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	01.007	3,09	0,0000		0,0000	3,0900	4.604.100	0	0	4.604.100	368.328	69.062	46.041		483.431		0			0,0000	0	4.120.670	02	
03	11100071602	Lê Thị Nữ	Nhân viên phòng Công tác Chính trị - HSSV	01.008	2,61	0,0000		0,0000	2,6100	3.888.900	0	0	3.888.900	311.112	58.334	38.889		408.335		0			0,0000	0	3.480.566	03	
04	11100000812	Trần Văn Lý	Nhân viên phòng Quản trị - Dịch vụ	01.011	3,48	0,4524		0,0000	3,9324	5.859.276	0	0	5.859.276	468.742	87.889	58.593		615.224		0			0,0000	0	5.244.052	04	
05	11100000805	Trần Văn Cu Anh	Nhân viên Bảo vệ phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	01.011	3,48	0,4872		0,0000	3,9672	5.911.128	0	0	5.911.128	472.890	88.667	59.111		620.668		0			0,0000	0	5.290.460	05	
		CỘNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG				15,24	0,9396	0,0000	0,0000	16,1796	24.107.604	0	0	24.107.604	1.928.608	361.614	241.076	0	2.531.298	0,00	0	0	0	0,0000	0	21.576.306	

Bảng chữ: Hai mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm lẻ sáu đồng.

NGƯỜI LẬP BẢNG

Vũ Như Quỳnh
Vũ Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Kinh
Nguyễn Kinh



**DANH SÁCH NHÂN VIÊN HỖ NGOÀI CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ
LÃNH TIỀN LƯƠNG THÁNG 03 NĂM 2021**

MÃ TÀI KHOẢN: 3714.0.1058083.00000

Mở tại: Kho bạc nhà nước Tân Bình

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Công việc	Mã số ngạch lương	Bậc lương	Số tiền	Vượt khung	Thành tiền	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Khấu trừ					PC độc hại		PC Trách nhiệm		Tổng số tiền lương còn được nhận	Ký nhận
											8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Thuế thu nhập	Cộng	Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		
A	B	C	D	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)	(5)	(6)	(7) = (4) - (5) + (6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (8) + (9) + (10) + (11)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17) = (7) - (12) + (14) + (16)	(E)
01	Ta Quốc Tấn	NV Sửa chữa	D.02	4	5.474.872		5.474.872	0		5.474.872	437.990	82.123	54.749		574.862					4.900.010	01
02	Nguyễn Trung Dũng	Nhân viên phòng Quản trị - Dịch vụ	D.02	3	5.214.164		5.214.164	0		5.214.164	417.133	78.212	52.142		547.487					4.666.677	02
03	Nguyễn Thị Thu Trang	NV Phục vụ	D.03	11	7.199.714		7.199.714	0		7.199.714	575.977	107.996	71.997		755.970					5.443.744	03
04	Trần Thị Thu	NV Phục vụ	D.03	10	6.856.871		6.856.871	0		6.856.871	548.550	102.853	68.569		719.971					6.136.900	04
05	Thân Thị Quyết	NV Phục vụ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	05
06	Nguyễn Tiến Hưng	Nhân viên phòng Quản trị - Dịch vụ	D.03	9	6.856.871		6.856.871	0		6.856.871	548.550	102.853	68.569		719.971					6.136.900	06
07	Nguyễn Hữu Xuân Vũ	NV Bảo vệ	D.03	9	6.856.871		6.856.871	0		6.856.871	548.550	102.853	68.569		719.971					6.136.900	07
08	Lê Hồng Phúc	NV Bảo vệ	D.03	8	6.219.384		6.219.384	0		6.219.384	497.551	93.291	62.194		653.035					5.566.349	08
09	Đồng Anh Tuấn	NV Bảo vệ	D.03	7	5.923.223		5.923.223	0		5.923.223	473.858	88.848	59.232		621.938					5.301.285	09
10	Phạm Hữu Thành Phú	NV Bảo vệ	D.03	4	5.116.703		5.116.703	0		5.116.703	409.336	76.751	51.167		537.254					4.579.449	10
11	Huỳnh Thanh Nhân	NV Bảo vệ	D.03	4	5.116.703		5.116.703	0		5.116.703	409.336	76.751	51.167		537.254					4.579.449	11
12	Lê Hồng Sơn	NV Bảo vệ	D.03	2	4.641.000		4.641.000	0		4.641.000	371.280	69.615	46.410		487.305					4.153.695	12
13	Nguyễn Thanh Hiền	NV Bảo vệ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	13
14	Trần Thanh Phương	NV Bảo vệ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	14
15	Đỗ Thị Bích Thủy	NV Phục vụ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	15
16	Trần Thanh Quý	NV Phục vụ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	16
17	Trần Thị Thảo Vân	NV Kế toán	D.01	5	6.151.018		6.151.018	0		6.151.018	492.081	92.265	61.510		645.857					5.505.161	17
18	Nguyễn Thị Thảo	NV Phòng QT - DV	D.02	4	5.474.872		5.474.872	0		5.474.872	437.990	82.123	54.749		574.862					4.900.010	18
19	Giáp Đức Nhân	NV Phòng QT - DV	D.02	3	5.214.164		5.214.164	0		5.214.164	417.133	78.212	52.142		547.487					4.666.677	19

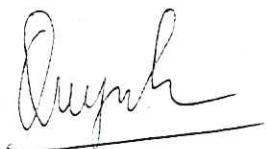


TT	Họ và tên	Công việc	Mã số ngạch lương	Bậc lương	Số tiền	Vượt khung	Thành tiền	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Khấu trừ					PC độc hại		PC Trách nhiệm		Tổng số tiền lương còn được nhận	Ký nhận
											8% BHXH	1.5% BHYT	1% BHTN	Thuế thu nhập	Cộng	Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		
20	Dương Thị Thủy	NV P. QT Dịch vụ	D.01	4	5.858.113		5.858.113	0		5.858.113	468.649	87.872	58.581		615.102					5.243.011	20
21	Huỳnh Bá Triết	NV P. QT Dịch vụ	D.02	1	4.729.400		4.729.400	0		4.729.400	378.352	70.941	47.294		496.587					4.232.813	21
22	Đỗ Công Thành	NV TT Lý Tư Trọng	D.01	12	8.655.100	692.408	9.347.508	0		9.347.508	747.801	140.213	93.475		981.488					8.366.020	22
23	Phạm Huy Hoàng	NV Phòng Thanh tra giáo dục - Công tác SV	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	23
24	Nguyễn Thị Thanh Hòa	NV Trung tâm điều hành và QL DL	D.01	2	5.313.481		5.313.481	0		5.313.481	425.078	79.702	53.135		557.916					4.755.565	24
25	Phạm Hữu Tấn	NV Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	D.01	2	5.313.481		5.313.481	0		5.313.481					0					5.313.481	25
26	Lê Tiến Dũng	NV Phòng KHCN & HTQT	D.01	5	6.151.018		6.151.018	0		6.151.018	492.081	92.265	61.510		645.857					5.505.161	26
27	Nguyễn Yến Nhi	Nhân viên phòng Khảo thí và KĐCL	D.01	5	6.151.018		6.151.018	0		6.151.018	492.081	92.265	61.510		645.857					5.505.161	27
28	Huỳnh Văn Hiếu	NV Phòng Công tác Chính trị - HSSV	D.01	6	6.458.569		6.458.569	0		6.458.569	516.686	96.879	64.586		678.150					5.780.419	28
29	Trình Tuấn Vũ	NV phòng Quản trị - Dịch vụ	D.02	4	5.474.872		5.474.872	0		5.474.872	437.990	82.123	54.749		574.862					4.900.010	29
30	Nguyễn Thị Nhung	NV Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	D.01	3	5.579.155		5.579.155	0		5.579.155	446.332	83.687	55.792		585.811					4.993.344	30
31	Nguyễn Xuân Lợi	NV bảo trì	D.01	6	6.458.569		6.458.569	0		6.458.569	516.686	96.879	64.586		678.150					5.780.419	31
32	Hà Thị Hậu	NV Thư viện	D.01	3	5.579.155		5.579.155	0		5.579.155	446.332	83.687	55.792		585.811					4.993.344	32
33	Nguyễn Thị Trang	NV Thư viện	D.01	3	5.579.155		5.579.155	0		5.579.155	446.332	83.687	55.792		585.811					4.993.344	33
34	Võ Thị Tuyết	NV phòng Quản trị - Dịch vụ	D.02	2	4.965.870		4.965.870	0		4.965.870	397.270	74.488	49.659		521.416					4.444.454	34
35	Nguyễn Thị Tắt	NV Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	D.01	5	6.151.018		6.151.018	0		6.151.018	492.081	92.265	61.510		645.857					5.505.161	35
36	Sỹ Thị Chung	NV Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	D.01	6	6.458.569		6.458.569	0		6.458.569	516.686	96.879	64.586		678.150					5.780.419	36
37	Phạm Huỳnh Kim Ngân	NV TT ĐH QL DL	D.03	3	4.873.050		4.873.050	0		4.873.050	389.544	73.096	48.731		511.670					4.361.380	37 QĐ NL T3/21
38	Trần Kim Tươi	NV Phòng Quản trị - Dịch vụ	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	38

TT	Họ và tên	Công việc	Mã số ngạch lương	Bậc lương	Số tiền	Vượt khung	Thành tiền	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Khấu trừ					PC độc hại		PC Trách nhiệm		Tổng số tiền lương còn được nhận	Ký nhận
											8% BHXH	1.5% BHYT	1% BHTN	Thuế thu nhập	Cộng	Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		
39	Huỳnh Ngọc Liên	NV Phòng TC - HC - TH	D.03	2	4.641.000		4.641.000	0		4.641.000	371.280	69.615	46.410		487.305					4.153.695	
40	Nguyễn Khắc Huân	Khoa Đông lực	D.01	10	7.850.431		7.850.431	0		7.850.431	628.034	117.756	78.504		824.295					7.026.136	40
41	Trần Anh Mỹ	NV Phòng Thanh tra giáo dục - Công tác SV	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	41
42	Dương Văn Tâm	NV Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	D.02	1	4.729.400		4.729.400	0		4.729.400	378.352	70.941	47.294		496.587					4.232.813	42
43	Lê Trần Thanh Nga	NV Trung tâm Thang máy, thang cuốn KONE	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	43
44	Nguyễn Thụy Nghiêm	NV Thủ quỹ	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	44
45	Trương Thị Định	NV Phục vụ - Phòng Quản trị - DV	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	45
46	Trương Thị Bắc	NV Phục vụ - Phòng Quản trị - DV	D.03	1	4.420.000		4.420.000	0		4.420.000	353.600	66.300	44.200		464.100					3.955.900	46
47	Phạm Quang Tùng	NV Bảo vệ - Phòng TC - HC - TH	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	47
48	Lư Diễm Phúc	NV Trung tâm Thư viện	D.02	1	4.729.400		4.729.400	0		4.729.400	378.352	70.941	47.294		496.587					4.232.813	48
49	Bùi Đức Phước	NV Phòng Thanh tra giáo dục - Công tác SV	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	49
50	Nguyễn Việt Tiến	NV Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	D.01	1	5.060.458		5.060.458	0		5.060.458	404.837	75.907	50.605		531.348					4.529.110	50
CỘNG				184	274.799.460	692.408	275.491.868	0	0	275.491.868	21.614.271	4.052.676	2.701.784	0	28.368.731	0,00	0	0,00	0	247.123.137	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba ngàn một trăm ba mươi bảy đồng.

NGƯỜI LẬP BẢNG



Vũ Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Kinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc